TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Kinh Pháp Cú "cái gì là cốt lõi của cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài"

ISSN: 2734-9195 11:10 09/11/2026

Những Lời Vàng Phật dạy trong Phật kinh vẫn còn giá trị muôn đời, chỉ vì là Phật kinh tuy ngắn gọn nhưng bao hàm đầy đủ cốt lõi giáo lý 49 năm hoằng pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Khi nói về tư tưởng Lão - Trang, ta liền nghĩ ngay đến *Lão Tử Đạo Đức kinh* và *Trang Tử Nam Hoa kinh*; nói đến Khổng giáo thì có Tứ Thư Ngũ Kinh [1]. Phật giáo, với gia tài văn học đồ sộ của hai hệ Nam và Bắc Truyền, chỉ riêng Năm Bộ Kinh (Pañca-nikāya, □□□) [2] hay Tứ A Hàm (Catur-Āgama, □□□),) [3] chưa kể đến các bộ luận lớn như Câu Xá, hoặc các kinh cao như Hoa Nghiêm hay Bát Nhã,... cũng đủ chất đầy năm đến mười tủ sách.

Riêng bộ Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō), thì gồm 100 tập, mỗi tập trên dưới 1.000 trang khổ lớn.

Ấy thế mà, nếu có ai hỏi, có một quyển kinh nào, của Phật giáo, tương ưng đối tác với quyển Kinh Thánh (Bible) của 3 tôn giáo lớn Tây phương [4] hay không, thì ta bị lúng túng, phân vân. Bởi vì, kinh nào cũng được cho là do Phật thuyết, kinh nào cũng gọi là kinh cao nhất, cho nên không ai dám, hay có thể, chỉ định riêng một quyển nào là tiêu biểu hoàn toàn cho Phật giáo.

Bộ Kinh nào là nền tảng giáo pháp căn bản 49 năm hoằng hóa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni? Vì vậy, khi có người hỏi, có bộ kinh nào đối tác với quyển Kinh Thánh của tôn giáo Tây phương hay không, hỏi thế không phải không có lý, cũng không phải tranh chấp hay bắt bẻ. Bởi vì, cả ba tôn giáo lớn của Tây phương chỉ cần có một quyển Kinh Thánh mà làm nên cơ bản nền tảng cho sự tồn tại của 2 tôn giáo lớn với khoảng hơn ba tỉ tín đồ trên thế giới. Ki tô giáo gọi Kinh Thánh là Lời Chúa.

Tại Tây phương, mãi cho đến năm 1881, văn học Phật giáo mới được dịch sang Anh ngữ, do nhóm học giả Pāli Text Society (Hiệp Hội Văn Bản Pāli - PTS) [5] chủ trương; trong số đó, nhà Ngôn ngữ học và Đông phương học F. Max Müller nhận dịch *Dhammapāda-sutta*, một quyển kinh tương đối ngắn nhỏ,

thuộc quyển 2 trong *Tiểu Bộ kinh* (*Khuddaka-nikāya*).

Phát hành cùng năm 1881, *Dhammapāda-sutta* đã gây tiếng vang rộng lớn trong học giới toàn cầu và ảnh hưởng cho đến độ ngày nay đã có gần 80 bản dịch khác, xuất hiện dưới nhiều dạng thức do nhiều cao tăng và học giả Đông phương học giả toàn cầu dịch và chuyển ngữ.



Ảnh: Internet

Sở dĩ ảnh hưởng rộng lớn như thế là vì *Dhammapāda* tuy ngắn nhỏ nhưng **bao hàm đầy đủ giáo lý căn bản** của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như Tứ diệu đế, lý Duyên khởi, định luật Vô thường,....; những lời Phật dạy thật thực tiễn, gần gũi, dễ hiểu, dễ ứng dụng trong đời sống đạo đức hàng ngày, cho cả hai giới xuất gia và tại gia.

Như câu: “Toàn bị người chê cả, hay toàn được người khen cả, là điều quá khứ chưa từng có, hiện tại tìm không ra, và vị lai cũng không dễ gì thấy được”, [6] hay: “Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi”, [7] cũng như: “Các ngươi hãy tự mình nỗ lực! Như Lai duy chỉ là người dạy cho con đường giác ngộ”, [8])., mà ta thường đọc nghe đó đây, đều là được trích dẫn từ *Dhammapāda* cả. Lại nữa, hiện nay *Dhammapāda* đã được các nhà Khảo cổ học và Phật học gia xác chứng là một trong số rất ít kinh Phật được tập thành sớm nhất, khoảng năm 100 Dương lịch, [9] trong lịch sử văn bản học Phật giáo; cho nên địa vị của Kinh thật là tối quan trọng sánh với toàn bộ các kinh điển Nam Bắc truyền khác.

Trở lại câu hỏi, có một quyển kinh nào, của Phật giáo, tương tác với quyển Kinh Thánh của 3 tôn giáo lớn Tây phương hay không; câu trả lời là có, một cách

quyết xác và không do dự, bởi vì Phật tử Tây phương ngày nay gồm giới nghiên cứu học thuật cùng chư tôn đức hoằng pháp đã đương nhiên mặc định tôn vinh *Dhammapāda* như là quyển Thánh Kinh của Phật giáo (Buddhist Bible) nói chung, không phân biệt Nam hay Bắc truyền.

Thánh Kinh đức Phật là vì *Dhammapāda* chính là Lời Phật Dạy, làm cốt lõi cho tư tưởng Phật giáo phát triển về sau, bất luận là Nam hay Bắc tông.

Tại Việt Nam, Thượng tọa Thích Thiện Siêu [10] đã có viễn kiến sâu rộng khi là tăng sĩ đầu tiên, vào năm 1959, khởi dịch toàn bộ *Dhammapāda*, dùng bản Hán văn, sang Việt ngữ, đề là *Lời Phật Dạy* (hay *Kinh Lời Vàng*, nay thống nhất gọi là *Kinh Pháp Cú*), theo thể văn xuôi. Tiếp nối công đức tiên khởi này, Trưởng lão Thích Minh Châu [11] trùng dịch, từ nguyên bản Pāli, theo thể văn vần, lập thành thi kệ, vào năm 1969. Từ đó đến nay đã có thêm nhiều bản dịch liên tục xuất bản, hoặc bằng văn xuôi như của Cư sĩ Phạm Kim Khánh dịch từ bản Anh văn của Đại Đức Nārada Mahā-Thera, [12] hoặc bằng văn vần thi hóa như của Tỳ kheo Giới Đức, [13] của Phạm Thiên Thư, [14] của giáo sư Hán văn Trần Trọng San, [15]..., cho thấy *Kinh Pháp Cú* đã được tiếp nhận, đọc tụng nồng nhiệt và kính mộ rộng rãi.

Tuy nhiên, duyệt qua tất cả, [16] so với bản của hai vị Tăng sĩ kể trên, thì chỉ có công trình của hai ngài là chính xác nhất, về mặt ngữ học, đặc biệt là có thẩm quyền nhất, về mặt giáo phẩm, cũng như về mặt tri thức; hai ngài là những bậc long tượng trong nền văn học Phật giáo Việt Nam hiện đại, công trình của hai ngài không ai có thể thù thắng hơn.

Đây là lý do chính yếu thôi thúc Hòa thượng Thích Chơn Thiện [17] và Hòa thượng Thích Hải Ấn [18] quyết định xuất bản *Lời Phật Dạy* một lần nữa, thu tập và trình bày bản văn xuôi của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu và bản thi kệ của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu chung nhau, đối chiếu với bản Pāli và Anh ngữ của Đại Đức Nārada, cùng với bản Hán văn [19] hiện đại của Pháp sư Liễu Tham, hợp thành một quyển *Kinh Pháp Cú* có thẩm quyền nhất, về phương diện tư liệu, văn học, cũng như giáo dục học thuật, làm quyển Kinh biểu trưng toàn vẹn cho Phật giáo Nam và Bắc truyền nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng. Quyển này, ở đây, tạm gọi là 'Bản hợp tuyển', cho dễ hình dung khi nhắc đến.

Bản hợp tuyển này lại được sự Chứng minh của Hòa Thượng Thích Phổ Tuệ, [20] chính thức khẳng định đây là quyển "Phật Điển biểu trưng đầy đủ thẩm quyền về phương diện chuyển ngữ đúng thật những lời Phật dạy." Thế là quyển *Dhammapāda* bằng Việt ngữ, *Kinh Pháp Cú*, bản hợp tuyển, đương nhiên là quyển Phật Điển biểu trưng đầy đủ thẩm quyền về phương diện chuyển ngữ

đúng thật những Lời Phật Dạy.

Xác chứng phổ cập toàn cầu hơn: Trong kỳ Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ 6 (Chaṭṭha Saṅgāyana, 1954-1955) tại Yangon (Rangoon), Miến Điện, toàn bộ 423 câu kệ tiếng Ba lị của *Dhammapāda* đã được 2.500 vị cao tăng và học giả từ khắp nơi trên thế giới đối chiếu từng chữ giữa bản khắc đá của Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ 5 (1871), [21] bản chép tay của Sri Lanka, Thái Lan, Cam-bốt và bản của Hiệp Hội Văn bản Pāli (Pāli Text Society - PTS). Cho đến ngày nay, đây vẫn được coi là **văn bản Phật điển có thẩm quyền**, **độ chính xác** và **uy tín cao nhất** của Phật giáo thế giới.

Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ 6 năm 1954, *Kinh Pháp Cú* đã được tôn vinh bằng sự đồng thuận cao nhất của toàn thể phái đoàn Phật giáo quốc tế về tư cách là **những lời dạy nguyên gốc**, **chính truyền** mang **giá trị Phật điển tuyệt đối** của đức Phật.

Dhammapāda, nằm trong hệ thống Tam Tạng Kinh Điển, sau khi được Đại hội đồng loạt thẩm định và thông qua, đã được chính thức ấn hành bằng bản in hiện đại. Văn bản này được giới Phật giáo toàn cầu gọi là Bản Thuộc Đại Hội lần 6 (Chaṭṭha Saṅgāyana Edition).

Khác với một số bộ đại kinh chỉ phổ biến riêng ở Nam truyền hoặc Bắc truyền, *Dhammapāda* là một trong số ít những bộ kinh được **tất cả các tông phái Phật giáo** trên thế giới (Nam tông, Bắc tông, Mật tông Tây Tạng) đồng loạt công nhận, trì tụng và tôn kính như một bộ cẩm nang đạo đức tối thượng.

Không bao lâu sau đó, vào năm 1959, Edward Conze (1904-1979), một trong những học giả phương Tây lỗi lạc nhất về Phật học, mà tên tuổi không xa lạ đối với Phật học giới Việt Nam, lên tiếng xác định, với một câu mang nhiều sắc thái học thuật và triết lý rất thú vị như sau: "n*ếu tôi phải chọn chỉ một cuốn sách duy nhất để mang theo bên mình lên một hoang đảo, Dhammapāda sẽ là lựa chọn của tôi*", trong buổi lễ ra mắt bản dịch *Thanh Tịnh Đạo* (*Visuddhi-magga*) [22], bộ luận tập đại thành toàn bộ hệ thống triết lý và các câu kệ Pháp Cú của Nam truyền.

Vào năm 1959, Thượng tọa Thích Thiện Siêu cho ra mắt quyển *Kinh Lời Vàng*. Cho nên chúng tôi không ngoa ngôn, khi ghi rằng Ôn Từ Đàm đã có viễn kiến sâu rộng, khi dịch bản kinh này.

Ngoài ra, lại còn có nhận định của các nhà Đông phương học quốc tế, rằng: " *Nếu một ngày nào đó toàn bộ kho tàng Kinh điển đồ sộ của đạo Phật bị thất lạc hay hủy hoại, chỉ cần thế giới giữ lại được duy nhất một quyển Kinh Pháp Cú*

(Dhammapāda-sutta), thì nhân loại vẫn có đầy đủ tinh hoa giáo lý căn bản nhất để tu tập đi đến bến bờ giải thoát".

Như vậy, Phật giáo có Bộ Kinh điển vàng nhưng thiết nghĩ, không nên gọi là Thánh Điển, Thánh Thư, lại càng không nên gọi là Thánh Kinh; mà đúng nghĩa nhất, nên gọi là, và phải là, **Phật kinh**, bởi vì đây chính là quyển Kinh bao hàm những Lời Vàng do Phật dạy.

Kinh không phải là một tác phẩm phóng tác đời sau, như quyển Thánh Kinh của tôn giáo Tây phương, mà là Kinh điển căn bản gốc, chính truyền, của Phật giáo toàn cầu. Bởi vì, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không phải là Thánh; Ngài là Đấng Giác Ngộ, và sau khi Đại Giác Ngộ, Ngài chỉ cho chúng ta con đường Giác Ngộ đó, trong quyển Phật kinh này.

Có, bởi vì *Kinh Pháp Cú* có đầy đủ nếu không nói là dư thừa những yếu tố tiên quyết để được, và đã được, chính thức nhìn nhận là Phật điển chính thống ở cấp độ tối cao, như đã nêu trên. Và để xác chứng thêm lần nữa, là chúng ta quả có quyển Phật kinh này, không gì bằng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam đương đại, ngoài những phương án hiện hành, có thể thiết lập thêm một phương án nhỏ nữa, thật giản dị, thực tiễn, cụ thể, như là:

1. Chính thức dùng *Kinh Pháp Cú*, bản hợp tuyển, lược bỏ phần thông lệ [23] ở trước; cần thiết phải giữ lại là Pháp dụ Chứng minh của [cố Trưởng Lão] Hòa Thượng Thích Phổ Tuệ, để xác định *Kinh Pháp Cú* (bản hợp tuyển) đã chính thức là quyển Phật kinh của Phật giáo Việt Nam đương đại và dĩ nhiên là vô tận trong tương lai. Cũng cần ghi thêm là, những bản dịch khác, như liệt kê ở trên, đều vẫn được, và cần phải được, tự do phát hành, phổ biến rộng rãi, không ngăn ngại. Bản văn chính thức này, trang bìa trình bày đại khái như sau:



2. Ấn tống phát tặng Phật kinh miễn phí đến cho tất cả, không phân biệt già trẻ bé lớn, trong gia đình hay riêng cá nhân, ở khắp nơi trên toàn quốc và thế giới;

3. Tổ chức các lớp học nội dung của Phật kinh, ngay từ cấp cơ sở địa phương (grassroot levels), do các "Như Lai sứ giả" [24] đảm nhiệm. Các lớp học này cần tổ chức phổ biến rộng rãi khắp nơi bởi giáo hội địa phương, y như các lớp học Mẫu giáo, hay lớp Một, trẻ em học 24 vần A, B, C..., học ráp vần thành chữ, hiểu nghĩa để thực hành.

Phật tử tại gia, khi có được một hành trang tâm linh cụ thể qua bản Phật kinh đang có sẵn trong tay, đều có thể tự tìm giải đáp, mỗi khi đối diện với thực tế đầy phiền não, khổ đau hàng ngày. Mà ai trong chúng ta không đối diện với thực trạng này, ngoài những cao tăng đã đắc đạo?

Tự tìm giải đáp, "sau khi tự mình đọc, tự mình tìm hiểu, tự mình suy tư, tự mình quan sát, tự mình chứng nghiệm trên bản thân". [25]. Bởi vì, Đạo Phật "không đòi hỏi tin tưởng mù quáng, mà đòi hỏi cố gắng tìm hiểu, thực chứng"; Đạo Phật là Đạo "đến để mà thấy (ehi passiko) chớ không phải đến để nhờ người khác thấy hộ, Đạo của người có mắt (Cakkhumato), không phải của người nhắm mắt; Đạo của người thấy, của người biết (Passato Jānato), không phải là của người không thấy, không biết. Nên chỉ có người đọc mới có thể tự mình thấy, tự mình hiểu và tự mình chứng nghiệm".

Phật giáo Việt Nam đã có được một bộ Đại Tạng Kinh thu nhỏ, dễ cầm tay, làm thủ sách cẩm nang cho tất cả Phật tử xuất gia cũng như tại gia sử dụng, tất cả đều được lợi ích.

Khi nhận giải Nobel Hòa bình (Nobel Peace Prize, ngày 10/12/1989, tại Oslo, Norway), Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói một câu chân thành, không màu mè giả bộ: "I am only a simple stupid monk" (tôi chỉ là một nhà tu ngốc nghếch, thật thà). Có phải chăng Ngài đã tự thực chứng nên thể hiện đúng hình ảnh chân thật của một vị Sa môn, y theo lời Phật dạy trong Phật kinh? [26]

Người phương Tây, khi chưa là Phật tử, đã tìm được giải đáp trong *Dhammapāda*, bản Anh dịch của F. Max Müller. Phật tử Việt Nam cũng thế, tìm được giải đáp khi có được quyển Phật kinh trong tay. Một khi đối diện với phiền não, những triết lý cao siêu như Tính Không, Duy thức ... đều vô nghĩa; người đang khổ đau kia chỉ cần những Lời Dạy thực tiễn, có thể thực hành ngay được để chuyển hóa tâm thức và hành vi; những Lời Dạy thực tiễn đó, nằm sẵn trong Phật kinh đây rồi.

Trước hiện trạng kỹ thuật số (Information and Communication Technology - ICT) phát triển đến độ khủng khiếp, hầu như không gì mà ICT không giải quyết được, thì vẫn cònmột vấn đề căn bản muôn đời trực diện chúng ta: "**Sinh tử sự đại**". [27] Mà hễ còn sinh tử thì vẫn còn phiền não, còn khổ đau. Còn khổ đau thì những *Lời Vàng Phật dạy* trong Phật kinh vẫn còn giá trị muôn đời, chỉ vì là Phật kinh tuy ngắn gọn nhưng bao hàm đầy đủ **cốt lõi** giáo lý 49 năm hoằng pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bia minh trên bảo tháp của [cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu] Ôn Vạn Hạnh, khắc rằng: "*Yo sāro so thassati*. Cái gì là cốt lõi [của cây], cái ấy sẽ tồn tại lâu dài" [28].

Tác giả**: Tuệ Hạnh - Phấn Tảo Y Lang**

Chú thích:

[1] *Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử; Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Xuân Thu.*

[2] Gồm: *Trường Bộ kinh* (*Dīgha-nikāya*), *Trung Bộ kinh* (*Majjhima-nikāya*), *Tăng Chi Bộ kinh* (*Aṅguttara-nikāya*), *Tương Ưng Bộ kinh* (*Saṃyutta-nikāya*), và *Tiểu Bộ kinh* (*Khuddaka-nikāya*).

[3] *Trường A Hàm* (*Dīrgha Āgama*, □□□□), *Trung A Hàm* (*Madhyama Āgama*, □□□□), *Tăng Nhất A Hàm* (*Ekottara Āgama*, □□□□), *Tạp A Hàm* (*Saṃyukta Āgama*, □□□□).

[4] Thiên Chúa giáo hay Ki-tô giáo (Christianity, gồm Gia-tô giáo [Catholicism] & Tin Lành giáo [Protestantism]) có quyển Kinh Thánh (Bible) gồm 2 phần Cựu

Ước và Tân Ước; Cựu Ước dựa trên Kinh Thánh Torah của Do-thái giáo (Judaism), khởi nguồn từ tổ phụ Abraham. Hồi giáo (Islam) có Kinh Thánh Koran, phần lớn cũng dựa trên Bible. Cả ba đều thờ Chúa độc thần, toàn năng, toàn tri. Cả ba đều phát xuất từ vùng Trung Đông, như ở phía Tây của Việt Nam.

[5] Do Thomas William Rhys Davids (1843–1922) sáng lập và làm Hội trưởng, 1881–1922.

[6] Kinh Pháp Cú, phẩm XVII Phẫn nộ, kệ số 8 (hay kệ số 228).

[7] Kinh Pháp Cú, phẩm XVIII Cấu uế, Malavagga, kệ số 2 & 4 (236 & 238). Câu này rất thông dụng ở Tây phương: “Be a lamp unto yourself” hoặc “Make your own island” (Hãy tự mình làm hòn đảo an toàn cho chính mình).

[8] Kinh Pháp Cú, phẩm XX Đạo, kệ số 4 (276).

[9] Xem: “*Di liệu Văn học Phật giáo Kharoṣṭhī*”, Phật Điển Hành Tư giới thiệu, trong Nguyệt san Giác Ngộ, số 71, tháng 2-2002, tr. 33-50; hoặc trong *Nghiên Cứu Phật Học Qua Lăng Kính Tây Phương*, NXB Hồng Đức, 2014, tr. 263-287.

[10] Nay là cố Trưởng Lão Hòa Thượng, đời thứ 43 Lâm Tế chính tôn, Viện chủ Tổ đình Từ Đàm và Thiền Tôn – Huế.

[11] Nay là cố Trưởng Lão Hòa Thượng, đời thứ 43 Lâm Tế chính tôn, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.

[12] Phạm Kim Khánh. *Kinh Pháp Cú – The Dhammapada* (dịch từ bản Anh ngữ và chú giải của Narada MahaThera). Sài Gòn, 1971.

[13] TLHT Thích Giới Đức (tức Tỳ kheo Minh Đức Triều Tâm Ảnh). *Kinh Lời Vàng – Thi hóa Dhammapada Sutta*. NXB Thuận Hóa, Đà Nẵng, 1995.

[14] Phạm Thiên Thư. *Suối Nguồn Vi Diệu – Thi hóa tư tưởng Dhammapada*. 1973. Chùa Khánh Anh ấn tống, Paris, 1993.

[15] Trần Trọng San. *Kinh Pháp Cú*. Bản viết tay, thi hóa theo thể lục bát, hoàn thành năm 1987. Toronto, Chùa A-Di-Đà ấn hành, 2002.

[16] Ở đây không kể đến công trình của Trưởng lão Thiền sư Pháp Minh dịch *Kinh Pháp Cú chú giải* (*Dhammapadaṭṭhakathā*) của Đại luận sư Phật Âm (Buddhaghosa, tk. 5). NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2013.

[17] Cố HT Thích Chơn Thiện (1942–2016), nguyên Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Huế (2002–2016); pháp đệ của cố TLHT Thích Minh Châu.

[18] HT Thích Hải Ấn (1946–), đương kim Viện chủ Tổ đình Từ Đàm – Huế; đương kim Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam – Huế; pháp tử của cố TLHT Thích Thiện Siêu.

[19] *Kinh Pháp Cú* (□□□) được dịch sang Hán văn rất sớm, vào năm 224 dương lịch, bởi Chi Khiêm (□□ , khoảng năm 222–253) cùng với sa môn Duy-kỳ-nan (□□□) và Trúc Tương-diễm (□□□), thuộc trong *Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh – Taishō Tripiṭaka*, Bản Duyên Bộ, mang mã kinh số T0210.

[20] Cố TLHT Thích Phổ Tuệ (1917–2021), Đệ tam Pháp Chủ, Hội đồng Chứng minh, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2007–2021).

[21] Đại hội kỳ 5 quy tụ khoảng 2.400 vị cao tăng. Thành quả vĩ đại nhất của kỳ kết tập này là toàn bộ Tam Tạng kinh điển bằng tiếng Pāli đã được hiệu đính và khắc lên 729 phiến đá cẩm thạch, đặt tại chùa Kuthodaw. Đây được mệnh danh là "cuốn sách lớn nhất thế giới".

[22] *Visuddhimagga do* Đại luận sư Phật Âm (**Buddhaghosa Bhadantācariya)** biên soạn vào kh. tk **V** sdl, là một tác phẩm rất **quan trọng và có tầm ảnh hưởng lớn nhất** trong hệ thống Phật giáo Nam truyền; một quyển cẩm nang toàn diện, hệ thống hóa toàn bộ những lời dạy của Đức Phật trong 49 năm hoằng hóa của Ngài. **Ni sư Thích Nữ Trí Hải** dịch sang Việt ngữ "*Thanh Tịnh Đạo luận"* ,từ bản tiếng Anh *"The Path of Purification"* của Ñāṇamoli.

[23] Lời giới thiệu của PTYL, HT Thích Chơn Thiện viết lời Giới thiệu; HT Thích Hải Ấn viết Lời nói đầu.

[24] Chương trình đào tạo "Như Lai sứ giả" do cố Hòa thượng Thích Thiện Hoa (1918–1973) khởi xướng từ khoảng những năm 1953–1957 nhằm huấn luyện Tăng, Ni và cư sĩ làm công tác hoằng pháp, truyền dạy giáo lý căn bản (tứ đế, nhân quả, duyên sinh, lục độ…) cho quần chúng.

[25] Những lời dạy của cố TLHT Thích Minh Châu, khi Ôn phiên dịch bộ Đại tạng Nam truyền.

[26] Kinh Pháp Cú, phẩm XXV Phẩm Sa-môn (Bhikkhu Vagga), kệ 360–382.

[27] Kinh Pháp Cú, phẩm XI, phẩm Già (Jarāvagga), kệ số 11 (146–156). Đây là một trong những phẩm kinh cổ điển thức tỉnh nhất, quán chiếu về sự vô thường, sự tàn úa của thân xác, cái già, cái chết; bài kệ chứng ngộ tối thượng của Đức Phật dưới cội Bồ đề.

[28] "Yo sāro so thassati. Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài" là lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nằm trong Kinh tạng Pāli, *Trung Bộ Kinh*, kinh số 29:

Đại Kinh Thí Dụ Lõi Cây (Mahāsāropama-sutta). “Sāra” có nghĩa là “lõi cây” hay “bản chất chắc thực”.